## MỤC LỤC

[PHẦN I. TÌNH HÌNH TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ THẠNH PHÚ. 5](#_Toc114394781)

[I. Điều kiện tự nhiên. 5](#_Toc114394782)

[1. Vị trí địa lý. 5](#_Toc114394783)

[2. Đặc điểm khí hậu. 5](#_Toc114394784)

[3. Địa hình – địa mạo. 5](#_Toc114394785)

[II. Tình hình kinh tế - xã hội – kinh tế xã Thạnh Phú. 6](#_Toc114394786)

[PHẦN II. XÁC ĐỊNH SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG. 12](#_Toc114394787)

[I. Xác định sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực. 12](#_Toc114394788)

[1. Quan điểm phát triển giáo dục mầm non 12](#_Toc114394789)

[2. Mục tiêu 13](#_Toc114394790)

[a) Chất lượng giáo dục 13](#_Toc114394791)

[b) Các điều kiện đảm bảo phát triển 13](#_Toc114394792)

[II. Xác định sự phù hợp của trường Mầm non Hạnh Phúc với mạng lưới cơ sở giáo dục khu vực. 14](#_Toc114394793)

[3. Thuận lợi. 15](#_Toc114394794)

[4. Khó khăn. 15](#_Toc114394795)

[PHẦN III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN. 16](#_Toc114394796)

[I. Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện dự án. 16](#_Toc114394797)

[II. Chương trình Giáo dục thực hiện. 16](#_Toc114394798)

[III. Định hướng thực hiện. 17](#_Toc114394799)

[PHẦN IV. THÔNG TIN NGUỒN LỰC VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG. 19](#_Toc114394800)

[I. Giới thiệu chung 19](#_Toc114394801)

[1. Tên dự án 19](#_Toc114394802)

[2. Địa chỉ liên hệ 19](#_Toc114394803)

[3. Người đại diện theo pháp luật: 19](#_Toc114394804)

[4. Phương tiện liên lạc với chủ dự án 19](#_Toc114394805)

[II. Thông tin cơ bản về dự án. 19](#_Toc114394806)

[1. Địa điểm thực hiện dự án 19](#_Toc114394807)

[2. Quy mô thực hiện (Khi đạt 100% công suất xây dựng) 20](#_Toc114394808)

[3. Kinh phí thực hiện 21](#_Toc114394809)

[III. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của nhà trường. 21](#_Toc114394810)

[1. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục 23](#_Toc114394812)

[2. Diện tích mặt bằng của trường 24](#_Toc114394814)

[3. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất 25](#_Toc114394818)

[4. Các nhu cầu sử dụng trong quá trình hoạt động 26](#_Toc114394820)

[a) Nhu cầu sử dụng điện 26](#_Toc114394821)

[b) Nhu cầu sử dụng nước 26](#_Toc114394822)

[c) Nhu cầu lao động 27](#_Toc114394823)

[5. Nhiên liệu sử dụng cho quá trình hoạt động 27](#_Toc114394824)

[PHẦN IV. THUYẾT MINH XÂY DỰNG DỰ ÁN VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU Ô NHIỄM TRONG XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG. 28](#_Toc114394825)

[I. Nguyên nhiên vật liệu sử dụng quá trình xây dựng 28](#_Toc114394826)

[1. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng cho dự án cụ thể như sau: 28](#_Toc114394827)

[2. Nhu cầu máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình xây dựng dự án: 28](#_Toc114394828)

[3. Nhu cầu sử dụng nước: 29](#_Toc114394830)

[4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho toàn bộ quá trình xây dựng dự án: 29](#_Toc114394831)

[II. Kế hoạch bảo vệ môi trường đã thực hiện. 29](#_Toc114394832)

[III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong gian đoạn hoạt động. 33](#_Toc114394833)

[KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ 39](#_Toc114394834)

**CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019 và có hiệu lực ngày 01/7/2020.

Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Điều lệ Trường mầm non Ban hành kèm theo Quyêt định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 7 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục Mầm non;

Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Ban hành kèm theo Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư 13/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục.

 Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường mầm non;

Quyết định số 09/2015/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi điều lệ trường mầm non;

Tiêu chuẩn Việt Nam số 3907/2011 quy định về yêu cầu thiết kế đối với trường mầm non.

Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non ngoài Công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020 và Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 12/ 01/ 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non ngoài Công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020;

Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non ngoài Công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào tình hình Kinh tế - Xã hội và nhu cầu về chăm sóc và giáo dục bậc học Mầm non khu vực xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

# PHẦN I. TÌNH HÌNH TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ THẠNH PHÚ.

## Điều kiện tự nhiên.

### Vị trí địa lý.

Xã Thạnh Phú được thành lập vào tháng 02/1987 từ việc sáp nhập 02 xã Bình Thạnh và Tân Phú; có vị trí địa lý khá thuận lợi, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của huyện, cách trung tâm huyện Vĩnh Cửu 33km về hướng Tây Nam và cách trung tâm Thành phố Biên Hòa 10km.

Về địa giới hành chính, xã Thạnh Phú tiếp giáp với các khu vực sau:

* Phía Bắc và Tây Bắc giáp xã Bình Lợi;
* Phía Đông Bắc giáp sông Đồng Nai;
* Phía Nam giáp sân bay Biên Hòa, phường Tân Phong và Trảng Dài;
* Phía Đông giáp xã Thiện Tân;
* Phía Tây giáp xã Tân Bình.

### Đặc điểm khí hậu.

Xã Thạnh Phú nằm ở phía Bắc Thành phố Biên Hòa, thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ nên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa kéo dài từ tháng 6 đến tháng 11 và mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Lượng mưa trung bình trong năm là 1.980 mm (Tập trung chủ yếu vào tháng 8, 9, 10 trong năm).

Nhiệt độ - độ ẩm tại khu vực xã Thạnh Phú tương đối dễ chịu cho việc chăm sóc sức khỏe và nuôi dạy trẻ: Nhiệt độ trung bình năm là 28 0c (Biên độ dao động 8 0c). Độ ẩm trung bình trong năm khoảng 80%.

### Địa hình – địa mạo.

Là khu vực hạ lưu sông Đồng Nai, khu vực xã Thạnh Phú có địa hình tương đối bằng phẳng (độ dốc phổ biến trung bình là 0.16%, thoải theo hướng Đông Nam – Tây Bắc). Độ cao so với mức nước biển nằm trong ngưỡng 10,89 đến 32,86 m.

Nền đất xã Thạnh Phú chia làm 02 loại đất chính: Nền đất sét pha cát và nền đá. Trong đó chủ yếu là đất nền sét pha cát.

## Tình hình kinh tế - xã hội – kinh tế xã Thạnh Phú.

Xã Thạnh Phú có tỉnh lộ 768 chạy qua, nối tiếp đường Đồng Khởi, thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa giữa Thạnh Phú và các xã trong huyện Vĩnh Cửu, cũng như giữa huyện Vĩnh Cửu với thành phố Biên Hòa.

Xã có tổng diện tích tự nhiên là 1.405,42 ha, trong đó đất nông nghiệp 710,61 ha chiếm 50,56% tổng diện tích toàn xã. Đơn vị hành chính của xã được phân chia thành 07 ấp.

Tuy nhiên, tổng số người dân đang lưu trú, sinh hoạt tại xã Thạnh Phú hiện tại cao hơn rất nhiều do nguồn lao động nhập cư đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn xã (có hơn 40 doanh nghiệp, trong đó riêng công ty TNHH Chang Shin Việt Nam đã có hơn 23.400 lao động – *số liệu điều tra đầu năm 2016*). Vì vậy, xã Thạnh Phú luôn là đơn vị hành chính có mức đóng góp ngân sách nhà nước cao nhất toàn huyện Vĩnh Cửu và cũng có nhiều khó khăn nhất trong quản lý đời sống trật tự - văn hóa và giáo dục.

**1. Lĩnh vực kinh tế:**

**a. Nông nghiệp:**

- Tổng diện tích cây trồng hiện có khoảng 215,6 ha, bao gồm: Đất lúa 94,41 ha; Cao su 15,2 ha; Tràm khoảng 55,5 ha; Bưởi khoảng 33,3 ha, Cam khoảng 10 ha, đã cho trái thu hoạch khoảng 28 ha; đất cỏ nuôi bò khoảng 09 ha; Bầu, bí, Rau các loại khoảng 07 ha, ngoài ra diện tích đất còn trồng 01 số cây hàng năm khác nhỏ lẻ. Nông dân thực hiện sản xuất, chủ động nguồn nước vụ mùa theo kế hoạch, kịp thời vụ; việc thực hiện làm men IMO, MEVI sinh học, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xử lý môi trường và làm thức ăn cho Vịt được nông dân tích cực hưởng ứng, mang lại hiệu quả. Diện tích trồng cây có múi có tăng hơn so với cùng kỳ qua (hiện nay khoảng hơn 40 ha), nguyên do phần diện tích đất sản xuất lúa không mang lại hiệu quả kinh tế nên nông dân chuyển sang trồng cây có múi để có kinh tế hơn.

**b. Lĩnh vực chăn nuôi:**

- Tổng đàn trâu, bò khoảng 582; heo khoảng 3125 con; thỏ khoảng 85 con; dê khoảng 25 con. Tổng đàn gà, vịt khoảng 11.800 con, trong đó có 01 trại nuôi vịt tập trung khoảng từ 5.000- 10.000 con/đợt, số còn lại chăn nuôi nhỏ lẻ tại các hộ gia đình, số lượng gia cầm có giảm so với cùng kỳ; công tác phòng ngừa dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được duy trì thực hiện thường xuyên.

- Thủy sản: Nuôi cá ước tính khoảng 06 ha, ước lượng 40 đến 90 tấn/năm

**c. Thương mại, dịch vụ, Hợp tác xã:**

- Tình hình thị trường và sức mua của người tiêu dùng có xu hướng tăng trở lại sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát. Trên địa bàn xã gồm có 1.173 cơ sở kinh doanh, trong đó, có 01 chợ hạng 3, 01 trung tâm thương mại, 03 cửa hàng Bách hóa xanh, 03 cửa hàng Thế giới di động và Vinmark, 828 cơ sở kinh doanh nhà trọ với 7.715 phòng trọ, 282 cửa hàng tạp hóa và 55 cơ sở dịch vụ ăn uống đảm bảo nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa và dịch vụ của người dân trên địa bàn.

- Trong những tháng cuối năm 2022, do tình hình chung của cả nước, các trạm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn xã gồm: Cây xăng Thảo Hân, cây xăng Thiều Quang, cây xăng Thạnh Phú (Tín Nghĩa), cây xăng Kim Cương luôn trong tình trạng hết hàng hoặc bán với số lượng hạn chế, hiện tình trạng trên vẫn còn diễn ra gây ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn.

- Tổ chức lập Bộ thuế năm 2022 gồm 838 hộ kinh doanh (bao gồm hộ có thuế và hộ không thuế). Trong đó hộ kinh doanh phải nộp thuế là 394 hộ, gồm: Hộ nộp phí Môn bài: số hộ: 394, số tiền: 150.000.000 đồng/1 năm; Hộ nộp thuế giá trị gia tăng: số hộ: 394, số tiền: 145.000.000 đồng/1 tháng; Hộ nộp thuế thu nhập cá nhân: số hộ 394, số tiền: 67.000.000 đồng/1 tháng; Hộ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt: số hộ: 02, số tiền: 4.890.000 đồng/1 tháng. Ngoài ra, trong năm lập bộ phát sinh thuế 10 hộ với số tiền 2.764.000 đồng/1 tháng.

- Lập Tờ trình trình UBND huyện ban hành Quyết định củng cố kiện toàn Ban Quản lý chợ do có thay đổi về nhân sự..

**\* Về Chợ Thạnh Phú:**

BQL chợ lập kế hoạch bố trí, sắp xếp, quản lý các hộ kinh doanh tại chợ trước, trong và sau tết Nguyên Đán.

Đến tháng 10/2021 theo thông báo chợ được hoạt động trở lại, BQL chợ chủ động thực hiện duy trì các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong thời gian ứng phó an toàn, linh hoạt với tình hình mới như yêu cầu tiểu thương, người dân phải quét mã QR code mới được mua bán.

Thường xuyên tuyên truyền các tiểu thương và nhân dân đi chợ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 như đeo khẩu trang, rửa tay bằng dung dịch sát khuẩn...

Duy trì công tác phòng chống dịch tả lợn Châu Phi thường xuyên phun thuốc sát trùng sau các buổi họp chợ.

Lập Tờ trình trình UBND huyện ban hành Quyết định củng cố kiện toàn Ban Quản lý chợ do có thay đổi về nhân sự.

**\* Kinh tế hợp tác:**

Trên địa bàn xã Thạnh Phú hiện có 01 Hợp tác xã là Hợp tác xã Bình Thạch, hiện hợp tác xã trên hoạt động hiệu quả và thường xuyên thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

Ngoài ra, trên địa bàn có 02 Tổ hợp tác gồm Tổ hợp tác trồng rau hữu cơ Thuận Lâm với tổng số 05 thành viên và Tổ hợp tác trồng bưởi Hương Bưởi với tổng số 12 thành viên. Hiện các Tổ hợp tác trên đang trong quá trình dần dần hoàn thiện theo mô hình sản xuất tổ hợp tác.

**c. Đất đai – xây dựng, môi trường:**

**-** Tổng số công trình/nhà ở riêng lẻ xây dựng trong năm 2022: 132 công trình thuộc diện miễn phép, chỉ trình báo với UBND xã trước khi khởi công.

- Xử phạt 02 trường hợp xây dựng trên đất nông nghiệp số tiền là 08 triệu; Hiện đối tượng đã chấp hành việc nộp phạt, đang thực hiện chuyển mục đích để khắc phục hậu quả.

- UBND xã phối hợp UBND huyện xử phạt công ty Changshin xây dựng nhà xưởng không phép với số tiền 130.000.000 đồng. Hiện công ty đã chấp hành xong quyết định xử phạt

- Xử phạt không đăng ký biến động đất đai: 01 trường hợp với số tiền 2.000.000 đồng. Kết quả xử lý: Đối tượng đã chấp hành Quyết định xử phạt

- Trong năm 2022, đã tập trung công tác kiểm tra xử lý, không để xảy ra trường hợp làm đường trên đất đất nông nghiệp. Đồng thời, tổ chức cưỡng chế nóng 10 công trình, nhà ở xây dựng trái phép dọc theo trục đường 16 và khu vực tổ 9, ấp 1, qua đó đã phần nào lập lại trật tự về xây dựng trên địa bàn.

- Tổ chức thay mới nội dung 20 pano và cắm mới 05 pano (trên đường 16) nhằm tuyên truyền sử dụng đất đúng mục đích, nghiêm cấm phân lô xây dựng trái phép.

**d. Thu – chi ngân sách:**

***- Thu ngân sách***

Tổng thu ngân sách xã (tính đến hết tháng 10/2022) là 9.395.379.128/9.027.000.000, đạt 104% so với dự toán. Trong đó phần giao xã thu theo dự toán huyện 3.466.379.128/2.549.000.000, đạt 136% so với dự toán.

***- Chi ngân sách***

Tổng chi ngân sách (tính đến hết tháng 10/2022) là 8.586.985.864/9.027.000.000, đạt 95,126% so với dự toán.

**2. Lĩnh vực Văn hoá – xã hội:**

**a. Giáo dục:**

***\* Xã đạt chuẩn về PCGDMNT5T:***

- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 586/586 trẻ đạt 100%. (NQ 100%)

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 786/786 đạt 100%.

- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 1.435, ra lớp: 1.435; Tỉ lệ: 100% trong đó trẻ học tại địa bàn là 1419 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 16 trẻ.

***\* Xã đạt chuẩn về PCGD-TH mức độ 3:***

- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 786/786 đạt 100% (NQ 100%)

- Tổng số trẻ hoàn thành chương trình tiểu học 587/587 đạt 100%. (NQ 100%)

***\* Xã đạt chuẩn về PCGD-THCS mức độ 3.***

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 1698; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2021-2022): 1.649; Tỉ lệ 97,11%.

- Tổng số thanh, thiếu niên tốt nghiệp THCS (2021-2022): 490; đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 457; Tỉ lệ 93,2%

- Số lớp PCGD THCS: 54.

***\* Xã đạt chuẩn về PCGD-XMC mức độ 2:***

- Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 2.956, tỉ lệ: 99,97%

- Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 5.265/5.348, tỉ lệ: 98,45%

- Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 9.987/10.673, tỉ lệ: 93,57%

**\* Trường đạt chuẩn quốc gia:**

- Mức độ 2: 1/6 đạt 16% (Trường MN Họa Mi). (NQ 9%)

- Mức độ 1: 5/6 đạt 83% (THCS Thạnh Phú, TH Thạnh Phú, TH Chu Văn An, MN Thạnh Phú). (NQ 90%)

***\* Công tác quản lý Mầm non tư thục:*** Tổng số trường, LMG, Nhóm trẻ trên địa bàn là 18 cơ sở (01 trường, 17 LMG), tổng số trẻ 1.322 trẻ. Trong năm đã giải thể 04 lớp mẫu giáo tư thục (Hoa Hồng Nhỏ, Doremi, Hướng Dương, Ánh Sao). Lý do giải thể theo nguyện vọng chủ cơ sở. Đồng thời phối hợp Phòng GDĐT huyện kiểm tra thẩm định các điều kiện để thành lập 05 lớp mẫu giáo tư thục trên địa bàn xã (Ngôi nhà của bé, Anh Thư, Thiên Thần, Ánh Sao Xanh, Hướng Dương).

**b. Y tế - Dân số & Kế hoạch hóa gia đình.**

- Tính đến tháng 9/2022: Tỷ lệ bao phủ BHYT trên địa bàn xã là người dân thường trú 17.021/18.458, đạt 92,2%. (NQ 92%)

Nhìn chung, các hoạt động y tế trên địa bàn xã trong thời gian qua đã có nhiều bước tiến rõ rệt; cơ sở hạ tầng y tế được tập trung đầu tư, nâng cấp; Trạm y tế xã được cung cấp trang thiết bị y tế Công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh; Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 00 %; Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi 00%.

**- Về Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:** Thực hiện tốt các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đã phân phối, cung cấp đầy đủ, kịp thời các phương tiện tránh thai theo đúng nhu cầu; tăng cường các biện pháp khám sàng lọc trước sinh và quản lý phụ nữ có thai (189/220 - đạt 85,9%); Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (185/220- đạt 84,1%); Tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh (106/100 - tỷ lệ103%); Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (0,9 %); Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm là 1.492/1.627 - đạt 91,7% đã góp phần tăng cường chất lượng dân số.

**- Về y tế, gia đình và trẻ em:** Trạm y tế phối hợp Công an, các ấp quản lý cách ly đối với những trường hợp F0, F1, theo dõi y tế tại nhà. Phối hợp với Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu tổ chức các đợt tiêm ngừa phòng bệnh Covid-19. Tham mưu BCĐ phòng, chống dịch Covid-19 xã chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và dịch sốt xuất huyết ở địa bàn các ấp.

- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng 72/1.421 đạt tỷ lệ 5.06% (NQ 7%); tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao 161/1.421 đạt tỷ lệ 11.3% (NQ 14%).

**- Xã tiếp tục giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế:** Giữ vững. (NQ giữ vững)

**c. Lao động thương binh – Xã hội.**:

- Cấp tiền cho 40 đối tượng NCC khó khăn do dịch Covid-19 với số tiền 60.000.000đ

- Cấp tiền cho 327 đối tượng BTXH khó khăn do dịch Covid-19 với số tiền 176.400.000đ.

- Hỗ trợ bưu điện cấp tiền quà tết cho 294 đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng với tổng số tiền là: 176.400.000 đồng

- Lãnh đạo và cán bộ huyện phối hợp cùng đoàn cán bộ xã đi thăm và tặng quà tết cho quà 01 bà mẹ VNAH, 11 thân nhân thờ cúng MVNAH và 12 đối tượng chính sách với 12 phần quà cùng số tiền 12.000.000 đ. Hỗ trợ bưu điện cấp tiền quà tết cho 11 gia đình thờ cúng MVNAH, 36 người hưởng chế độ chính sách thương – bệnh binh, Tù đày, người có công cách mạng, CĐHH, tuất TB-BB và 116 thân nhân thờ cúng Liệt sĩ với tổng số tiền là 208.300.000đ. Trong đó: Quà tỉnh: 163.000.000đ, TW: 45.300.000đ

- Cấp tiền quà tết cho 17 hộ nghèo số tiền là 10.200.000đ và 03 hộ cận nghèo số tiền là 1.800.000đ.

\* Cấp quà 27/7/2022:

- Cấp tiền quà 27/7/2022 cho các đối tượng chính sách với tổng số tiền là 300.800.000đ. Trong đó, quà tỉnh: 98.700.000, TW: 45.300.000đ, Thờ cúng: 156.800.000đ

- Tổ chứa đưa đón 24 đối tượng là gia đình TCLS và TB-BB,CĐHH… đi dự lễ kỷ niệm 75 ngày ngày TBLS 27/7/2022 tại Huyện ủy. Hỗ trợ huyện trao tặng 24 phần quà với tổng số tiền là 36.000.000đ

- Tổ chức lễ kỉ niệm 75 năm Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7. Qua đó đã trao tặng 141 phần quà trị giá 42.300.000đ.

**d. Công tác tuyên truyền:**

- Tổ chức thông tin tuyên truyền về ý nghĩa lịch sử các ngày lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện…trên hệ thống loa đài của xã, băng ron, khẩu hiệu và trên hệ thống đèn led tại cổng trụ sở UBND xã.

# PHẦN II. XÁC ĐỊNH SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

## Xác định sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non ngoài Công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; đã xác định cụ thể về phát triển Giáo dục Mầm non như sau:

### Quan điểm phát triển giáo dục mầm non

1. Giáo dục mầm non đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội.
2. Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm non đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để đẩy mạnh công tác xã hội hóa ngành học mầm non.
3. Giáo dục mầm non đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội.
4. Giáo dục mầm non đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội.
5. Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm non đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để đẩy mạnh công tác xã hội hóa ngành học mầm non.
6. Từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non để đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dạy trẻ, trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ theo độ tuổi để hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1.

### Mục tiêu

Đến năm 2025, trẻ dưới 03 tuổi được huy động ra lớp đạt 50% (bình quân tăng 5%/năm); trẻ từ 03 - 05 tuổi đến lớp đạt 100% (bình quân tăng 2%/năm), trong đó, trẻ 05 tuổi đến lớp đạt tỷ lệ 100%.

## Chất lượng giáo dục

Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ mầm non suy dinh dưỡng cân nặng không quá 6% và suy dinh dưỡng chiều cao không quá 8%; nâng tỷ lệ trẻ được học bán trú lên 95%; tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 50%; củng cố, duy trì kết quả phổ cập mầm non cho trẻ 05 tuổi.

## Các điều kiện đảm bảo phát triển

- Về mạng lưới trường lớp: Đảm bảo 171/171 xã, phường, thị trấn đều có trường mầm non công lập. Ưu tiên kinh phí đầu tư xây dựng trường mầm non công lập và thực hiện tốt các chính sách ưu đãi để khuyến khích phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập, đảm bảo mục tiêu huy động trẻ. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp ở địa bàn các khu công nghiệp, tập trung đông dân cư.

- Về đội ngũ: Đảm bảo đội ngũ nuôi dạy trẻ đủ về số lượng theo quy định và đạt chuẩn về trình độ giảng dạy.

- Về tăng cường trang thiết bị: Thực hiện đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học cho các trường mầm non. Đảm bảo 100% trường mẫu giáo, mầm non có đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo quy định.

- Về chế độ chính sách: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Trung ương đối với ngành học mầm non và thực hiện tốt chế độ hỗ trợ của tỉnh cho đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp dưỡng mầm non.

Như vậy, trường Mầm non hạnh Phúc được xây dựng hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch chung về phát triển kinh tế xã hội của Huyện cũng như Quyết nghị về phát triển giáo dục Mầm non của Tỉnh.

## Xác định sự phù hợp của trường Mầm non Hạnh Phúc với mạng lưới cơ sở giáo dục khu vực.

Hiện tại, lượng trẻ trong độ tuổi đến trường mầm non (trẻ từ 01 đến 05 tuổi) thống kê được tại địa bàn xã khoảng 2000 trẻ. Tuy nhiên đây chỉ là số liệu thu thập của các hộ dân có hộ khẩu thường trú tại xã. Với đặc thù lao động tạm trú chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số người dân sinh sống trong địa bàn như Thạnh Phú, ước tính số lượng trẻ trong độ tuổi mẫu giáo trên địa bàn xã là rất cao, khoảng trên 2000 trẻ. Do đó, cần có thêm Trường Mầm non có đủ điều kiện cơ sở vật chất và quy mô nhằm chia sẻ gánh nặng giáo dục trên địa bàn xã.

Theo báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm của Xã Thạnh Phú, số lượng trẻ đến trường ở độ tuổi Mầm non như sau:

*- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường:* 586/586 trẻ đạt 100%.

*- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:* 786/786 *đạt 100%.*

*- Tổng số trẻ 3-5 tuổi:* - Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 1.435, ra lớp: 1.435; Tỉ lệ: 100% trong đó trẻ học tại địa bàn là 1419 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 16 trẻ.

*- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 646, ra lớp: 245; Tỉ lệ: 38 % trong đó trẻ học tại địa bàn là 234 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 0 trẻ.*

Bảng 1. Số lượng trẻ trong độ tuổi mẫu giáo (thống kê số lượng trẻ có hộ khẩu thường trú tại địa phương – số liệu năm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Bé trai | Bé gái | Tổng bé/ năm |
| 2018- 2019 |  |  | 1564 |
| 2019- 2020 |  |  | 1799 |
| 2020- 2021 |  |  |  |
| 2021- 2022 |  |  |  |
| 2022- 2023 | 1112 | 1134 | 2246 |
| Tổng |  |  |  |

Tổng số trường, LMG, Nhóm trẻ trên địa bàn là 18 cơ sở (01 trường, 17 LMG), tổng số trẻ 1.322 trẻ. Trong năm đã giải thể 04 lớp mẫu giáo tư thục (Hoa Hồng Nhỏ, Doremi, Hướng Dương, Ánh Sao). Lý do giải thể theo nguyện vọng chủ cơ sở. Đồng thời phối hợp Phòng GDĐT huyện kiểm tra thẩm định các điều kiện để thành lập 05 lớp mẫu giáo tư thục trên địa bàn xã (Ngôi nhà của bé, Anh Thư, Thiên Thần, Ánh Sao Xanh, Hướng Dương).

Như vậy, ngoài 02 trường MNCL Thạnh Phú và Họa Mi, trên địa bàn xã chỉ mới có 01 trường MN ngoài Công lập ( Sao Mai ) . Vì vậy áp lực về giáo dục mầm non đạt chuẩn cũng như nhu cầu về trường Mầm non ngoài công lập trên địa bàn xã là rất lớn

### Thuận lợi.

Sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương. Sự kết hợp chặt chẽ của các ban nghành đoàn thể, của ban nhân dân các ấp. Sự hỗ trợ về kinh phí của các công ty đóng trên địa bàn xã, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước. Sự hỗ trợ của các cá nhân có tâm huyết với sụ nghiệp Giáo dục mầm non.

Đời sống của nhân dân địa phương có phần sung túc hơn nên việc thu nộp các khoản tiền và đóng góp tinh thần có thuận lợi hơn. Nhu cầu cho trẻ ở lại bán trú ngày càng tăng.

Nguồn nhân lực tại địa phương trong công tác Giáo dục mầm non đang sẵn có tương đối dồi dào, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chăm sóc, giáo dục mầm non cao.

### Khó khăn.

Địa bàn khu vực có khu công nghiệp với hàng chục công ty, xí nghiệp hoạt động trên địa bàn, tạo ra một sức bật lớn cho kinh tế địa phương, giúp giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Tuy nhiên đây cũng là vấn đề phức tạp trong quá trình quản lý đời sống văn hóa – an sinh xã hội, giáo dục và trật tự trên địa bàn.

Phụ huynh phần lớn là lao động nhập cư và công nhân nên thời gian dành cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ còn hạn chế.

Lượng trẻ trong độ tuổi đến trường tại địa bàn xã có phần lớn đến từ nguồn lao động nhập cư, việc khai báo tạm trú, tạm vắng không đầy đủ khiến cho các trường mầm non trên địa bàn thường xuyên quá tải.

*Như vậy, lượng trẻ trong độ tuổi đi học mầm non trong khu vực xã Thạnh Phú và các xã lân cận là rất lớn, các sơ sở Mầm non trong khu vực tương đối nhiều nhưng chưa giải quyết được triệt để các vấn đề về nhu cầu Giáo dục trong khu vực. Do đó trường Mầm Non Hạnh Phúc thành lập nhằm giảm tải nhu cầu giáo dục cũng như góp phần tăng chất lượng giáo dục trên địa bàn xã.*

# PHẦN III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN.

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội và nhu cầu về giáo dục bậc học mầm non trên địa bàn xã Thạnh Phú, cùng với khả năng thực hiện và kinh nghiệm đã có trong quá trình xây dựng và quản lý giáo dục Mầm non, dự án này được thực hiện với mục tiêu và quy mô như sau:

### Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện dự án.

* Giảm tải áp lực về nhu cầu chăm sóc và chuẩn hóa giáo dục mầm non trên địa bàn xã Thạnh Phú.
* Chia sẻ mối lo ngại về điều kiện cơ sở vật chất, kinh nghiệm, tay nghề nuôi dạy, chăm sóc trẻ với các bậc phụ huynh trên địa bàn xã, đặc biệt là các bậc phụ huynh đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn xã.
* Tạo điều kiện cho một lượng lớn trẻ trong độ tuổi mẫu giáo trên địa bàn xã, đặc biệt là con em của gia đình công nhân – lao động nhập cư có điều kiện được đến trường, được chăm sóc và phát triển.
* Định hướng phát triển theo chuẩn nhằm tăng cường chất lượng nuôi dạy, chăm sóc giáo dục bậc học mầm non trên địa bàn xã theo chủ trương – chính sách của các cấp lãnh đạo.

### Chương trình Giáo dục thực hiện.

1. ***Về chương trình Giáo dục.***

* Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo chương trình mới của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
* Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và tài liệu hướng dẫn được sử dụng trong nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
* Nhà trường đã trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và tài liệu phục vụ chương trình giáo dục mầm non đầy đủ cho từng nhóm lớp; khuyến khích giáo viên sử dụng tài liệu, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
* Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được tiến hành thông qua các hoạt động theo quy định của chương trình giáo dục mầm non.
* Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khoẻ và đảm bảo an toàn.
* Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ.
* Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ còn được trường thực hiện thông qua hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho các cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. ***Hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của trường.***

*Đối với nhà trường:*

* Hồ sơ quản lý trẻ em;
* Hồ sơ quản lý nhân sự;
* Hồ sơ quản lý chuyên môn;
* Sổ lưu trữ các văn bản, công văn;
* Hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính;
* Hồ sơ quản lý bán trú.

*Đối với giáo viên*

* Sổ kế hoạch giáo dục trẻ em;
* Sổ theo dõi trẻ: điểm danh, khám sức khoẻ, theo dõi đánh giá trẻ;
* Sổ chuyên môn: dự giờ, tham quan học tập, ghi chép các nội dung sinh hoạt chuyên môn;
* Sổ theo dõi tài sản của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. ***Đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.***

* Kiểm tra định kỳ sức khoẻ trẻ em: hai lần trong một năm học.
* Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ em: trẻ dưới 24 tháng tuổi một tháng cân trẻ một lần; trẻ trên 24 tháng tuổi một quý cân trẻ một lần.
* Đánh giá sự phát triển của trẻ em: căn cứ quy định về chuẩn phát triển trẻ em theo độ tuổi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### Định hướng thực hiện.

* Xây dựng và thiết kế trường: Diện tích sinh hoạt, độ phủ xanh, sân chơi, góc chơi và các điều kiện khác luôn bám sát các tiêu chuẩn theo TCVN 3907:2011 và Điều lệ Trường mầm non nhằm tạo điều kiện phát triển toàn diện cho trẻ trên địa bàn xã Thạnh Phú (*đính kèm bản vẽ thiết kế - xây dựng của trường – phụ lục 1*).
* Về xây dựng, trường được xây dựng 01 lần duy nhất, hoàn thành và đi vào hoạt động vào tháng 7/2018. Tổng quy mô xây dựng như sau:
  + 16 phòng học, trong đó có 02 phòng chuyên biệt cho trẻ dưới 12 tháng tuổi nhằm phục vụ các bậc phụ huynh có nhu cầu gửi con sớm (chủ yếu các bậc phụ huynh làm việc tại các công ty trong địa bàn xã). Các phòng xây dựng khoa học, hợp lý và đảm bảo tuân theo yêu cầu của Điều lệ Trường mầm non.
  + 01 Văn phòng và 01 phòng y tế được xây dựng liền kề nhau nhằm đảm bảo các vấn đề sức khỏe của trẻ đều được quan tâm sát sao nhất.
  + 01 bếp một chiều được xây dựng độc lập, có lối đi riêng phục vụ cho quá trình tiếp phẩm của trường.
  + 01 sân chơi ngoài trời và 01 sân chơi trong nhà, kết hợp làm sân khấu khi tổ chức lễ hội, hội thi của các cháu.
  + 01 hội trường được sử dụng làm phòng tập múa – nhạc – earobic cho trẻ.
  + 01 hồ bơi thiếu nhi được xây dựng theo chuẩn, có hàng rào chắn và được quản lý nghiêm ngặt khi cho trẻ học bơi.

# PHẦN IV. THÔNG TIN NGUỒN LỰC VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG.

## Giới thiệu chung

### Tên dự án

“Xây dựng Trường Mầm non Hạnh Phúc, quy mô 1.003 m2”.

Chủ dự án: Trường Mầm non Hạnh Phúc.

### Địa chỉ liên hệ

Địa chỉ liên hệ: Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

Địa chỉ dự án: Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35, Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

### Người đại diện theo pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Hải Bình, chức vụ: Chủ đầu tư.

Bà Trương Thị Nhị, chức vụ: Hiệu trưởng.

### Phương tiện liên lạc với chủ dự án

Điện thoại:

- 0938.222.707 - Chủ đầu tư.

- 0938.911.663 - Hiệu trưởng.

## Thông tin cơ bản về dự án.

### Địa điểm thực hiện dự án

Tổng diện tích dự án là 1.003 m2 trong đó diện tích xây dựng của dự án là 745 m2 (diện tích sàn xây dựng dự án là 1.490, bao gồm 1 trệt và 1 tầng lầu), phần còn lại là phần diện tích cây xanh, hồ bơi, sân chơi và diện tích sân đường nội bộ của trường mầm non.

Đất thực hiện dự án thuộc Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35, Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai. Thửa đất hiện đang có quy hoạch sử dụng là đất đất ở tại nông thôn (ONT), diện tích được phép xây dựng là 100% thửa đất.

Hiện tại, thửa đất thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Minh Kiệt theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CR 411715, do Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thừa Ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/5/2019. Hiện tại Trường mầm non Hạnh Phúc đã có hợp đồng kinh tế thuê khoán mặt bằng sử dụng với ông Lê Minh Kiệt và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Về xây dựng, phần xây dựng kết cấu công trình thô do ông Lê Minh Khôi xây dựng theo nội dung hợp đồng đã ký kết, phần hoàn thiện công trình do chủ đầu tư Trường mầm non hạnh Phúc xây dựng.

Cơ sở Mầm non Tư thục Hạnh Phúc đã tìm hiểu nhu cầu giữ trẻ của các hộ dân khu vực xung quanh, đồng thời qua tìm hiểu được biết khu vực dự án có lượng trẻ có nhu cầu đi học ở độ tuổi Mầm non rất cao, trong khi lượng trường học đáp ứng đủ tiêu chuẩn lại đang quá tải, do đó Cơ sở Mầm non Tư thục Hạnh Phúc quyết định đầu tư xây dựng mới Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc để đáp ứng nhu cầu giữ trẻ cho các hộ dân gần khu vực dự án. Vị trí tiếp giáp của Trường mầm non với các đối tượng tự nhiên – kinh tế – xã hội như sau:

* *Vị trí dự án tiếp giáp với công trình xung quanh như sau:*
  + Phía Bắc giáp hẻm nhựa 6m thông ra đường 768 (cách đường 768 50m);
  + Phía Tây giáp với 02 thửa đất số 59 và 61 thuộc tờ bản đồ số 35, xã Thạnh Phú;
  + Phía Đông giáp đường D1 (đường vào Công ty TNHH Changshin Việt nam);
  + Phía Nam giáp thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35, xã Thạnh Phú;
* *Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng kinh tế xã hội, tự nhiên như sau:*

+ Cách Trường Tiểu học Chu Văn An khoảng 1 km;

+ Cách Trường Trung học phổ thông Vĩnh Cửu khoảng 400m;

+ Cách Trường Tiểu học Tân Phú khoảng 1 km;

+ Cách Công an Xã Thạnh Phú khoảng 1,5 km;

+ Cách UBND xã Thạnh Phú khoảng 1,5 km;

+ Cách bệnh viện Bệnh viện Đa Khoa Vĩnh Cửu – Cơ sở 2 khoảng 500m.

### Quy mô thực hiện (Khi đạt 100% công suất xây dựng)

- Tổng diện tích dự án: 1.003 m2.

- Diện tích xây dựng: 745 m2, diện tích sàn xây dựng: 1.490 m2.

- Tổng số cán bộ nhân viên của trường: 30 người, bao gồm:

* + Ban Giám hiệu (03): bao gồm 01 hiệu trưởng, 02 hiệu phó.
  + Giáo viên: 26 giáo viên;
  + Bảo vệ: 01 người;
  + Y tá: 01 người;
  + Kế toán: 01 người;
  + Đầu bếp – cấp dưỡng: 03 người.

- Số nhóm, lớp học: 13 nhóm lớp.

- Tổng vốn đầu tư của dự án:

+ Giai đoạn xây dựng phần hoàn thiện: 3.050.000.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn);

+ Trang thiết bị, cơ sở vật chất: 635.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng);

+ Nguồn vốn dự phòng hoạt động trong năm đầu tiên: 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

- Thời gian xây dựng: Tháng 11/2017 đến hết tháng 6/2018.

- Thời gian bắt đầu đưa vào hoạt động thử nghiệm: Tháng 07/2018.

Từ cuối năm 2018 đến nay, trường đã đi vào hoạt động thử nghiệm và hoạt động chính thức để xin cấp phép quy mô trường Mầm non ngoài công lập vào năm 2019. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến cuối năm 2021 nên phải tạm ngưng hoạt động trong thời gian dài (thực hiện giãn cách xã hội và hỗ trợ sử dụng hạ tầng cơ sở làm khu cách ly Covid-19 đến cuối năm 2021).

Đến năm 2022, sau khi sửa chữa cơ sở vật chất, trường hoạt động trở lại và đến nay đủ điều kiện để xin cấp phép hoạt động theo ý kiến đánh giá của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Cửu cũng như ý kiến chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### Kinh phí thực hiện

Tổng số vốn thực hiện dự án của chủ đầu tư là 7.100.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm triệu đồng chẵn). Tất cả nguồn vốn đều là vốn tự có của chủ đầu tư.

## Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của nhà trường.

Dự án sau khi xây dựng cơ sở vật chất, quy mô dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5. Số lượng học sinh đào tạo

| **STT** | **Sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng/năm học** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trẻ | Người | 305 |
| 2 | Nhà trẻ | Lớp | 04 ( 76 ) |
| 2 | Lớp mầm | Lớp | 03 ( 82 ) |
| 3 | Lớp chồi | Lớp | 02 ( 67 ) |
| 4 | Lớp lá | Lớp | 03 ( 80 ) |

*(Nguồn: Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc)*

|  |
| --- |
| Quy trình hoạt động của trường mầm non cụ thể như sau:  Nước thải  Giáo viên  Tiếp nhận trẻ  Nghỉ trưa  Vào lớp  Vào lớp  Chất thải rắn  Ra về  Giáo viên  Giáo viên viên  **Hình 1.2. Quy trình hoạt động của trường** |

**\* Thuyết minh quy trình:**

Trường mầm non sau mỗi năm học sẽ có một lượng trẻ chuyển trường và tiếp nhận trẻ mới. Sau khi phụ huynh đến đăng ký học cho trẻ để chuẩn bị đi học. Trẻ được nhận vào Trường mầm non.

Trẻ tới lớp học và bắt đầu vào học lúc 6h30 sáng, các trẻ được học với các nội dung học như: hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động học ngoài trời, hoạt động văn nghệ,… khoảng 9h các trẻ được ăn dặm bằng sữa đối với các trẻ được phụ huynh mang theo, sau khi ăn dặm trẽ sẽ được tiếp tục học các hoạt động của trường.

11h trưa là thời gian ăn chính của trẻ, các trẻ được cho ăn trưa theo khẩu phần ăn của trường, sau khi ăn trưa sẽ được ngủ trưa theo thời gian quy định. Sau 2 giờ trẻ sẽ dậy và tiếp tục các hoạt động như: hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động học ngoài trời, hoạt động văn nghệ,…

Khoảng 3h là thời gian ăn dặm lần 2 của trẻ, các món ăn dặm thường là sữa, bánh ngọt hoặc chè,…

16h30 chiều trẻ sẽ được tan lớp, thời gian hoạt động của trường là 6 ngày/tuần.

Xuyên suốt quá trình hoạt động của trường phát sinh chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, nước thải từ hoạt động của trường mầm non như: trong quá trình cho trẻ ăn dặm, ăn chính, ngoài ra còn do quá trình nấu ăn cho trẻ của các đầu bếp trong trường,…

### Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục

Danh mục các loại máy móc thiết bị sử dụng của dự án được liệt kê tại bảng sau:

Bảng 6. Bảng danh mục các loại máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục của dự án

| **STT** | **TÊN** | **ĐƠN VỊ** | **SỐ LƯỢNG** | **TÌNH TRẠNG XUẤT XỨ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bàn học | Cái | 150 | 100% - Việt Nam |
|  | Ghế | Cái | 350 | 100% - Việt Nam |
|  | Giường ngủ đơn | Cái | 350 | 100% - Việt Nam |
|  | Micro | Cái | 20 | 100% - Việt Nam |
|  | Dụng cụ nhà ăn | Bộ | 12 | 100% - Việt Nam |
|  | Bình CO2 | Bình | 20 | 100% - Việt Nam |
|  | Kệ để dép | Cái | 20 | 100% - Việt Nam |
|  | Xe đẩy đồ ăn | Cái | 16 | 100% - Việt Nam |
|  | Bếp ga | Cái | 04 | 100% - Việt Nam |
|  | Tủ lạnh | Cái | 02 | 100% - Nhật |
|  | Tủ mát | Cái | 02 | 100% - Nhật |
|  | Máy giặt | Cái | 01 | 100% - Nhật |
|  | Tủ lưu giữ hồ sơ | Cái | 20 | 100% - Việt Nam |
|  | Tivi | Cái | 18 | 100% - Mỹ |
|  | Máy in | Cái | 2 | 100% - Mỹ |
|  | Máy vi tính | Bộ | 03 | 100% - Nhật |
|  | Xích đu | Cái | 5 | 100% - Việt Nam |
|  | Đàn Organ | Cái | 2 | 100% - Việt Nam |
|  | Nhà banh | Cái | 1 | 100% - Việt Nam |
|  | Cầu trượt | Cái | 3 | 100% - Việt Nam |
|  | Thú nhún | Cái | 12 | 100% - Việt Nam |

* **Ghi chú:**

*Tất cả các trang thiết bị máy móc của trường đều được đầu tư mới, các máy móc trang máy móc thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại tiên tiến để đảm bảo chất lượng dạy học của trường.*

### Diện tích mặt bằng của trường

Tổng diện tích dự án là 1.003,9 m2 trong đó diện tích xây dựng của dự án là 745 m2 (diện tích sàn xây dựng dự án là 1.490, bao gồm 1 trệt và 1 tầng lầu), phần còn lại là phần diện tích cây xanh, hồ bơi, sân chơi và diện tích sân đường nội bộ của trường mầm non.

Đất thực hiện dự án thuộc Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 35, Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai. Thửa đất hiện đang có quy hoạch sử dụng là đất đất ở tại nông thôn (ONT), diện tích được phép xây dựng là 100% thửa đất.

Bảng 7. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình dự án

| **STT** | **HẠNG MỤC** | **DIỆN TÍCH XÂY DỰNG** | **TỈ LỆ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **M2** | **(%)** |
| 1 | Khối văn phòng | 76 | 5% |
| 2 | Hành lang + sân khấu + sân chơi | 375 | 25% |
| 3 | Lớp học | 480 | 32% |
| 4 | Nhà vệ sinh | 120 | 8% |
| 5 | Nhà bếp | 75 | 5% |
| 6 | Nhà chứa rác | 6 | 0.4% |
| 9 | Nhà để xe | 15 | 1% |
| 10 | Cây xanh | 343 | 23% |
| **Tổng** | | **1490** | 100% |

*(Nguồn: Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc)*

**Ghi chú:**

Diện tích phòng học và các hạng mục công trình được xây dựng theo Điều lệ trường mầm non theo quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 07/4/2008.

## Các công trình bảo vệ môi trường

Bảng 9. Bảng các hạng mục công trình môi trường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Số lượng** | **Công suất** |
| 1 | Hầm tự hoại | 4 | 26 m3 |

### Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

Các loại nguyên liệu thô, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Điểm du lịch được trình bày trong bảng sau:

Bảng 10. Bảng nhu cầu nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của dự án

| **STT** | **Nguyên liệu** | **Đơn vị tính** | **Số lượng trung bình/tháng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **NHU CẦU THỰC PHẨM TƯƠI CHO NHÀ ĂN CỦA TRƯỜNG** | | |
| 1 | Trái cây | kg | 480 |
| 2 | Rau củ quả | kg | 520 |
| 3 | Thịt các loại | kg | 480 |
| 4 | Cá + hải sản | kg | 240 |
| 5 | Dầu ăn | lít | 120 |
| 6 | Gia vị | kg | 25 |
| **II** | **CÁC LOẠI NGUYÊN LIỆU KHÁC** | | |
| 1 | Sáp màu, màu vẽ… | Hộp | 50 |
| 2 | Bông lau bảng | Cái | 32 |
| 3 | Xà phòng | Lít | 16 |
| 4 | Kem đánh răng | Hộp | 48 |
| 5 | Khăn mặt | Cái | 500 |
| 6 | Bàn chải đánh răng | Cái | 1000 |
| 7 | Banh | Cái | 500 |

### Các nhu cầu sử dụng trong quá trình hoạt động

## Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện: 2.250 KWh/tháng; Chủ yếu phục vụ cho các hoạt động như: chiếu sáng, máy điều hòa, đun nấu và phục vụ cho các hoạt động dạy học của giáo viên,... Căn cứ theo nhu cầu sử dụng điện của trường hiện tại và dự phòng thêm các trang thiết bị bổ sung thêm.

Nguồn cung cấp điện cho cho dự án là Điện lực Trị An (thuộc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai).

## Nhu cầu sử dụng nước

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định. Nhu cầu sử dụng nước của trường mầm non khoảng 19,5 m3/ngày.đêm, Trong đó:

Theo TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn cấp nước của trường mầm non là khoảng 15 đến 20 lít/cho 01 học sinh (trẻ) hay 01 giáo viên và nhu cầu sử dụng nước theo số lượng thực tế mà trường sử dụng.

+ Lượng nước sử dụng cho phục vụ hoạt động sinh hoạt của 500 trẻ là khoảng 20,6 m3/ngày.đêm (tiêu chuẩn định mức cho 500 người × 25 lít = 12.500 lít/ngày.đêm = 12,5 m3/ngày.đêm);

+ Lượng nước sử dụng cho phục vụ sinh hoạt của 40 cán bộ nhân viên của trường là khoảng 1,17 m3/ngày.đêm (tiêu chuẩn định mức cho 40 người × 45 lít = 1.000 lít/ngày.đêm = 1m3/ngày.đêm);

+ Nước sử dụng phục vụ nấu ăn tại trường khoảng 2 m3/ngày.đêm *(Nguồn tham khảo: Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc).*

+ Nước sử dụng cho giặt rũ và vệ sinh lớp học hằng ngày khoảng 2 m3/ngày.đêm.

+ Lượng nước sử dụng cho tưới cây trung bình 2 lít/m2 tương đương 2 m3/ngày.đêm. Ngoài ra, khi dự án đi vào hoạt động còn có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ. Lượng nước sử dụng cho mục đích PCCC khi có sự cố theo TCVN 2622:1995 thì lưu lượng nước cho 01 đám cháy là 15 lít/ giây. Ước tính đám cháy diễn ra trong vòng 2 giờ thì lượng nước cấp tương đương 54 m3/giờ.

Nguồn cung cấp nước cho trường là nước máy từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai và nước giếng (phục vụ tưới cây và vệ sinh).

## Nhu cầu lao động

- Lĩnh vực hoạt động của dự án: Trường mầm non (nhận trẻ từ 2 tuổi đến 6 tuổi).

- Tổng số cán bộ nhân viên của trường: 40 người (có 35 cán bộ giáo viên (bao gồm 01 hiệu trưởng, 01 hiệu phó và 24 giáo viên), 01 bảo vệ, 01 y tá, 01 kế toán và 02 đầu bếp nấu ăn).

- Thời gian xây dựng: tháng 11/2017 đến hết tháng 6/2018 (sau khi kết thúc năm học của trẻ).

- Thời gian hoạt động là: khoảng tháng 07/2018.

### Nhiên liệu sử dụng cho quá trình hoạt động

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho toàn bộ hoạt động của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 11. Bảng danh mục nhiên liệu và hóa chất chính phục vụ dự án

| **STT** | **Nguyên - nhiên liệu** | **Đơn vị** | **Số lượng/tháng** |
| --- | --- | --- | --- |
| 2 | Gas | Bình | 08 |
| *(Nguồn: Dự án đầu tư Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc)* | | | |

# PHẦN IV. THUYẾT MINH XÂY DỰNG DỰ ÁN VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU Ô NHIỄM TRONG XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG.

## Nguyên nhiên vật liệu sử dụng quá trình xây dựng

### Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng cho dự án cụ thể như sau:

Bảng 2. Nhu cầu nguyên, vật liệu sử dụng cho quá trình xây dựng dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nguyên liệu** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 | Cốt thép | Tấn | 734 |
| 2 | Bê tông | m3 | 4.500 |
| 4 | Gạch | Thiên | 7.000 |
| 5 | Xi măng | Bao | 4.500 |
| 6 | Đá | Khối | 400 |
| 7 | Đá hoa cương | Viên | 7.000.000 |
| 8 | Tôn | m2 | 745 |
| 9 | Cát xây nhà | Khối | 4.000 |
| 10 | Cây cảnh trang trí | Cây | 1.200 |
| 11 | Khung cửa các loại | Cái | 72 |
| 12 | Sơn tường các loại | Kg | 400 |

### Nhu cầu máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình xây dựng dự án:

# Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ dự án

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN** | **ĐƠN VỊ** | **SỐ LƯỢNG** | **TÌNH TRẠNG XUẤT XỨ** |
| **GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG** | | | | |
|  | Máy khoan bê tong | Cái | 5 | Nhật Bản |
|  | Máy nâng | Cái | 3 | Nhật Bản |
|  | Máy cắt sắt | Cái | 4 | Nhật Bản |
|  | Máy cắt sắt cầm tay | Cái | 8 | Nhật Bản |
|  | Máy trộn bê tong | Cái | 4 | Nhật Bản |
|  | Máy đầm | Cái | 5 | Nhật Bản |
|  | Máy cuốc | Cái | 2 | Nhật Bản |

### Nhu cầu sử dụng nước:

* **Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn xây dựng**

Nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu sử dụng nước cho toàn thời gian xây dựng giai đoạn 1 của dự án ước tính khoảng 1.260 m3. Trong đó:

Nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân: trong quá trình xây dựng sử dụng 35 công nhân: 35 người × 100 lít= 3.500 lít/ngày.đêm = 3,5 m3/ngày.đêm tương đương khoảng 420 m3 cho toàn bộ quá trình xây dựng (dự kiến quá trình xây dựng kéo dài trong 04 tháng). Theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 33:2006 về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì định mức nước cấp sinh hoạt cho 1 người trong ngày là 100 (lít/người).

Ngoài ra lượng nước còn được sử dụng cho quá trình trộn nguyên liệu để xây dựng, tưới giảm thiểu bụi ước tính khoảng 07 m3/ngày.đêm tương đương khoảng 840 m3 cho toàn bộ quá trình xây dựng. Theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 33:2006 về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

Như vậy: Tổng lượng nước sử dụng cho toàn bộ quá trình xây dựng dự án khoảng 1.350 m3 *(Nguồn: Dự án đầu tư Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc)*.

### Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho toàn bộ quá trình xây dựng dự án:

Bảng 4. Bảng nhu cầu sử dụng nhiên liệu dự án

| **STT** | **Nguyên - nhiên liệu** | **Đơn vị** | **Số lượng/tháng** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dầu DO | Kg | 150 |
| 2 | Gas | Bình | 2 |
| *(Nguồn: Dự án đầu tư Trường mầm non tư thục Hạnh Phúc)* | | | |

## Kế hoạch bảo vệ môi trường đã thực hiện.

Thực hiện việc xây dựng dự án vào tháng 11/2017 và hoạt động chính thức tháng 7/2018. Vấn đề bảo vệ môi trường của Dự án trong giai đoạn xây dựng đã được thực hiện nghiêm ngặt theo các phương án giảm thiểu như saunhư sau:

| **Yếu tố gây tác động** | **Tình trạng** | | **Biện pháp giảm thiểu** | **Tình trạng** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** | **Có** | **Không** |
| Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công | ✓ |  | Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định | ✓ |  |
| Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm | ✓ |  |
| Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  + Giảm thiểu bằng cách che chắn công trường thi công xây dựng, tránh để phát tán làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người dân lân cận.  + Chủ dự án nghiêm cấm các nhà thầu đốt các phế thải độc hại trong khu vực thi công.  + Không đốt rác thải và các loại vật liệu khác trong khu vực thi công.  + Định kỳ kiểm định các xe chở nguyên vật liệu ra vào công trường thi công đảm bảo không ô nhiễm khí thải giao thông.  + Thường xuyên bảo trì các máy móc thiết bị thi công xây dựng. | ✓ |  |
| Bụi | ✓ |  | Cách ly, phun nước để giảm bụi | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  + Che phủ bạt đối với xe chuyên chở vật liệu.  + Không bố trí các bãi tạm chứa đất cát dùng đắp nền và đất thải loại gần khu vực dân cư. Bãi chứa các vật liệu có khả năng phát tán bụi sẽ được phun nước giữ ẩm vào những ngày khô nóng để giảm bụi. | ✓ |  |
| Nước thải sinh hoạt | ✓ |  | Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường |  | ✓ |
| Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực |  | ✓ |
| - Biện pháp khác: Lượng nước thải phát sinh được chứa trong nhà vệ sinh lưu động được do đơn vị thi công xây dựng bố trí để phục vụ cho công nhân trong quá trình thi công xây dựng. Định kỳ 1 đến 3 tháng sẽ được đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định. | ✓ |  |
| Nước thải xây dựng | ✓ |  | Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường | ✓ |  |
| Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực. |  | ✓ |
| - Biện pháp khác:  + Nước thải xây dựng phát sinh rất ít chủ yếu từ quá trình trộn nguyên liệu. Lượng nước thải này được thu gom giao cho đơn vị thu gom xử lý theo đúng quy định. | ✓ |  |
| Chất thải rắn từ quá trình xây dựng (xà bần, sắt thép phế,…) | ✓ |  | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng |  | ✓ |
| Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương |  | ✓ |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| - Biện pháp khác: | ✓ |  |
| Chất thải rắn sinh hoạt | ✓ |  | Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương |  | ✓ |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  + Trang bị các thùng chứa rác trên công trường và tổ chức thu gom hàng ngày.  + Mỗi ngày một lần giao cho đơn vị thu gom rác tại bãi tập kết thu gom và xử lý theo đúng quy định của nhà nước. | ✓ |  |
| Chất thải nguy hại (Giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, dầu nhớt thải,… ) | ✓ |  | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| - Biện pháp khác: Được thu gom, lưu giữ an toàn bằng các thùng chứa có nắp đậy theo đúng quy định về việc hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. | ✓ |  |
| Tiếng ồn | ✓ |  | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị | ✓ |  |
| Bố trí thời gian thi công phù hợp | ✓ |  |
| Biện pháp khác |  | ✓ |
| Rung | ✓ |  | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị | ✓ |  |
| Bố trí thời gian thi công phù hợp | ✓ |  |
| Biện pháp khác |  | ✓ |
| Nước mưa chảy tràn | ✓ |  | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường | ✓ |  |
| Biện pháp khác |  | ✓ |

## Kế hoạch bảo vệ môi trường trong gian đoạn hoạt động.

| **Yếu tố gây tác động** | **Tình trạng** | | **Biện pháp giảm thiểu** | **Tình trạng** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** | **Có** | **Không** |
| Bụi và khí thải (do đặc trưng dự án trong quá trình hoạt động không phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động dự án mà chỉ phát sinh khí thải do chạy máy phát điện và bui do quá trình giao thông trong trường) | ✓ |  | - Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói |  | ✓ |
| - Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí tại của hàng trưng bày |  | ✓ |
| - Thường xuyên tưới tạo ẩm sân đường để giảm thiểu bụi | ✓ |  |
| - Biện pháp khác  + Cây xanh trong khuôn viên diện tích trên 20 % diện tích dự án.  + Hạn chế tốc độ đối với các phương tiện giao thông ra vào dự án (đối với xe máy di chuyển với vận tốc dưới 5 km/h và 10 km/h đối với phương tiện xe bốn bánh).  + Xây dựng nhà đặt máy phát điện cách xa khu trường học của trẻ và khuôn viên trường học. Trồng nhiều cây xanh tại khu vực nhà đặt máy phát điện. Lựa chọn máy phát điện cách âm và sử lý khí qua hệ thống lọc của máy để đảm bảo chất lượng không khí.  + Lắp đặt các chụp hút tại khu vực nhà bếp.  + Sử dụng khí gas sạch để đảm bảo chất lượng khí thải.  + Toàn bộ sân đường trong khuôn viên trường đều được bê tông hóa để giảm thiểu bụi. | ✓ |  |
| Nước thải sinh hoạt | ✓ |  | - Thu gom và tái sử dụng |  | ✓ |
| - Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung | ✓ |  |
| - Biện pháp khác  \* Đối với nước thải sinh hoạt:  + Lượng nước thải này được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ sinh học của dự án để xử lý đảm bảo chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào tuyến thoát nước chung của khu vực và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai.  + Trường sẽ xây dựng HTXL nước thải công suất 25 m3/ngày.đêm để xử lý nước thải phát sinh. Nước thải sau xử lý đạt theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,2 trước khi đấu nối vào tuyến thoát nước chung của khu vực và thải ra nguồn tiếp nhận là cầu Tân Trạch ra sông Đồng Nai.  + Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:  Nước thải bể điều hòa bể sinh học hiếu khí lắng lọc khử trùng môi trường tiếp nhận. | ✓ |  |
| Nước thải sản xuất  (Do đặc trựng lĩnh vực hoạt động của dự án nên không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn) | ✓ |  | - Thu gom và tái sử dụng |  | ✓ |
| - Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung |  | ✓ |
| - Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  \* Đối với nước thải nhà ăn:  + Lượng nước thải này được được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ sinh học của dự án để xử lý đảm bảo chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào tuyến thoát nước chung của khu vực và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai.  Trường sẽ xây dựng HTXL nước thải công suất 25 m3/ngày.đêm để xử lý nước thải phát sinh. Nước thải sau xử lý đạt theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,2 trước khi đấu nối vào tuyến thoát nước chung của khu vực và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai.  + Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:  Nước thải song chắn rác bể tách dầu bể điều hòa bể sinh học hiếu khí lắng lọc khử trùng môi trường tiếp nhận. |  | ✓ |
| Chất thải rắn  (Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh từ văn phòng, giấy vụn, giấy hư hỏng, thùng cartoon, võ lon bia, võ chai nước giải khát,… không nhiều chỉ khoảng 170 kg/tháng.  - Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên và trẻ của trường trung bình khoảng 250 kg/tháng. | ✓ |  | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng |  | ✓ |
| Tự xử lý |  | ✓ |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  + Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt được chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín (các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) và được bố trí ngay tại nơi phát sinh như: văn phòng, nhà vệ sinh... Vào cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.  + Xây dựng nhà chứa chất thải rắn, diện tích: 10 m2. Phân loại triệt để các loại chất thải thông thường, chất thải nguy hại trước khi giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. | ✓ |  |
| Chất thải nguy hại: (bao gồm: bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải, bao bì chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng,… Lượng thải phát sinh từ dự án khoảng: 15 kg/năm) | ✓ |  | - Thuê đơn vị có chức năng để xử lý | ✓ |  |
| - Biện pháp khác  + Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn.  + Rà soát xét khối lượng theo đúng hướng dẫn tại [Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về Quy định về quản lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành](http://www.thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Thong-tu-12-2011-TT-BTNMT-Quy-dinh-ve-quan-ly-chat-thai-nguy-hai-do-Bo-truong-Bo-Tai-nguyen-va-Moi-truong-ban-hanh/123177/noi-dung.aspx).  + Khi số lượng phát sinh nhiều sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định.  + Định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại 12 tháng/lần gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về Quy định về quản lý chất thải nguy hại. | ✓ |  |
| Mùi | ✓ |  | - Lắp đặt quạt thông gió | ✓ |  |
| - Biện pháp khác:  + Trồng nhiều cây xanh trong khu vực dự án.  + Khu tập kết chất thải sinh hoạt phải được che chắn đầy đủ đảm bảo không để phát sinh mùi hôi.  + Các thùng chứa chất thải trong khu vực dự án phải đảm bảo có nắp đậy không để phát sinh mùi hôi do chất thải gây ra. | ✓ |  |
| Tiếng ồn | ✓ |  | - Định kỳ bảo dưỡng thiết bị |  | ✓ |
| - Cách âm để giảm tiếng ồn |  | ✓ |
| - Biện pháp khác:  Xây dựng nhà đặt máy phát điện cách xa khu lớp học và khuôn viên trường học. Trồng nhiều cây xanh tại khu vực nhà đặt máy phát điện. Lựa chọn máy phát điện cách âm và sử lý khí qua hệ thống lọc của máy để đảm bảo chất lượng không khí. | ✓ |  |
| Nhiệt dư | ✓ |  | - Lắp đặt quạt thông gió | ✓ |  |
| - Biện pháp khác  + Lắp hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khu nhà văn phòng.  + Trồng thêm cây xanh trong khuôn viên dự án. | ✓ |  |
| Nước mưa chảy tràn | ✓ |  | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường | ✓ |  |
| - Biện pháp khác |  | ✓ |

# KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Qua kết quả phân tích trên chúng ta thấy rằng dự án là hoàn toàn khả thi và mang lại hiệu quả cao. Cùng với đội ngũ giáo viên nhiệt tình, yêu nghề và được đào tạo bài bản, Dự án đi vào hoạt động góp phần giải quyết vấn đề khó khăn do không đủ các trường mầm non gần khu vực dự án, đáp ứng được nhu cầu của các hộ gia đình và các bậc phụ huynh là người lao động tại địa phương và các xã lân cận, mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ dự nói riêng và mang lại hiệu quả kinh tế cho đất nước nói chung.

Kính mong các cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để dự án có thể tiến hành đúng như kế hoạch đã đề ra.

Trong điều kiện tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện Vĩnh Cửu nói chung và xã Thạnh Phú nói riêng, đây là một dự án mang tính khả thi cao. Chủ dự án kiến nghị các cơ quan liên quan có thẩm quyền chấp thuận cơ sở Mầm non Hạnh Phúc được chuyển sang quy mô Trường Mầm non ngoài công lập./.